

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 15

Bốn hàng bắt đầu từ: cách vô số cõi nước bằng số bụi trong mười cõi Phật về phía tây... có mười ý như trước. Phương hướng: phương tây; khoảng cách (như trước). Tên cõi nước: Liên Hoa sắc, nhờ tu tập tâm ý dần thù thắng, thanh tịnh không đắm nhiễm bốn sắc. Mười tín quán pháp không, tánh không bằng tâm sắc để điều phục tâm đắm nhiễm. Tên Phật: Diệt Ám Trí. Hành kim ở phía tây là cọp trắng, sát hại, u tối, không lành, khổ ế. Nghĩa là mười tín tiến tu tâm thù thắng phá trừ ngu tối mình người. Tên Bồ-tát: Tài Thủ, mười tín đem lại lợi ích cho chúng sanh bằng pháp tài. Phật là trí tự giác; Bồ-tát là hạnh của trí, tu tập cả hai. (Các phần còn lại như trước) vị này tu tập mười Ba-la-mật trong thể nhãn Ba-la-mật.

Bốn hàng từ... phía bắc... có mười ý như trước: phương hướng: phương bắc. Khoảng cách (như trước). Tên cõi nước: Chiêm Bạc Hoa sắc (hoa màu vàng) là công đức dung hòa của tín thứ tư, màu vàng là màu chính trong năm màu, màu của cung đình, phước đức vui vẻ, tâm thanh tịnh, tướng phước đức. Tên Phật: Oai nghi trí. Phía bắc là quả khảm, khảm là thầy, vua. Vua có đức cai trị, thầy chỉ dạy pháp tắc. Oai nghi trí là dùng pháp tắc chỉ dạy chúng sanh, hình tướng đoan nghiêm. Tên Bồ-tát: Bảo Thủ, lợi sanh bằng phép. Vị này tu tập mười Ba-la-mật trong thể tinh tấn Ba-la-mật (các phần còn lại như trước).

Bốn hàng... phía đông bắc... có mười ý như trước: phương hướng: đông bắc, quả cần: con út, nhi đồng, khai sáng, buổi sớm. Khoảng cách: (như trước). Tên cõi nước: Ưu bát la hoa (hoa sen xanh). Tên Phật: Minh Tướng Trí. Tâm thù thắng, là Đức Phật nơi tâm, không phải Đức Phật ngoài tâm. Tên Bồ-tát: Công Đức. Vị trước là pháp bảo, vị này là công đức, lợi mình lợi người. Vị này tu tập mười Ba-la-mật trong thể thiền Ba-la-mật.

Bốn hàng... phía đông nam... có mười ý như trước. Phương hướng: đông nam, quả tổn (phong tục, gia giáo), với hiện tượng là phương, với

người là thuyết giáo như người quân tử chỉ dạy mọi người. Kinh dịch chép: quân tử chỉ dạy, mọi người tùy thuận như gió lướt qua cỏ. Chúng ta nhìn hiện tượng để biết gió thổi. Tốn là mọi người tin thuận. Trong bốn đại, gió là hơn hết. Trời đất giữ vững nhờ gió, con người nhờ gió được tồn tại, mặt trời mặt trăng nhờ gió vận hành. Phong giáo là chỉ dạy kẻ ngu biết pháp đúng sai. Quẻ tốn ở phía đông nam (như trước đã nói). Khoảng cách như trước. Tên cõi nước: kim sắc (tín thứ một, hành kim ở phương đông, là bước đầu của tín. Vị này lòng tin thù thắng hơn, hành kim ở tháng tư, sanh vào giờ ty, giáo hóa chúng sanh bằng pháp Phật). Tên Phật: Cứu Cánh Trí, lòng tin tăng trưởng, giáo hóa chúng sanh, đạt trí vi diệu. Quẻ tốn là phong, với sự vật là thuyết, với sự chỉ dạy là giáo, với phạm phu là tư, với Thánh hiền là huệ, là đức của ly, màu đỏ, văn chương; là đức của đoài, thanh tịnh, là kim, khẩu, có khả năng thuyết pháp thanh tịnh. Tên Bồ-tát: Mục Thủ, lòng tin thù thắng phân biệt đúng sai, không mê hoặc như quẻ tốn ở đông nam, giờ sửu, là gió, hợp với sao ky. Ky là gió. Vị này chủ yếu tu Bát-nhã Ba-la-mật, dùng trí phân biệt đúng sai phát khởi trí vi diệu mình người. (Mục: khả năng phân biệt đúng sai) đông nam là lúc phân định đúng sai đến giờ ngộ mọi việc đều xong. (Ngộ là sáng suốt). Việc Thiện Tài đi về phía nam cầu học nơi các bậc thiện tri thức là học pháp không, không tạo tác, là công dụng vi diệu. Trong cách biểu hiện địa vị vua tôi, cha con, thầy trò, vua ở phía bắc, bề tôi ở phía nam. Cai trị đúng đáng sáng suốt, là đạo thường không tạo tác. Phía nam là quẻ ly, ở giữa trống, là mắt, sáng, mặt trời, tâm, không phải là mắt tai mũi lưỡi thân tâm nhưng cũng không ngoài những pháp ấy. Đây chỉ là mượn hình ảnh chỉ dạy chúng sanh. Với người đạt đạo, mọi pháp đều là chơn như, nói hay im đều hợp chơn như. Vị này tu mười Ba-la-mật trong thể Bát-nhã Ba-la-mật.

Bốn hàng... phía tây nam... có mười ý như trước. Phương hướng: tây nam, quẻ khôn, giữa giờ mùi thân, khôn là đất, tin thuận, tịnh, chuyên chở, nuôi lớn, mẹ, viên mãn. Khoảng cách như trước. Tên cõi nước: Bảo sắc, tín thứ bảy thành tựu lòng tin bằng phương tiện Ba-la-mật, độ thoát chúng sanh bằng tâm bi như mẹ thương con. Đó là quả của sự thuyết pháp lợi sanh. Tên Phật: Tối Thắng Trí, tâm bi rộng lớn, vào đời độ sanh như đất nuôi lớn vạn vật. Tên Bồ-tát: Tinh Tấn Thủ, vào đời độ sanh bằng tâm bi không mỗi một. Vị này chuyên tu phương tiện Ba-la-mật.

Bốn hàng... phía tây bắc... có mười ý như trước. Phương hướng: tây bắc, quẻ càn. Càn là kim loại, cứng, cha. Khoảng cách như trước.

Tên cõi nước: Kim cang, nguyện Ba-la-mật kiên cố, trí thù thắng của trí thứ tám. Tên Phật: Tự Tại Trí. Trí huệ tự tại như trí của trụ thứ tám... địa thứ tám. Tên Bồ-tát: Pháp Thủ, lợi sanh bằng pháp. Vị này chuyên tu nguyện Ba-la-mật.

Bốn hàng... phía dưới... có mười ý như trước. Phương hướng: phía dưới, là biên giới của phong luân, rất chắc. Giả như có một lực sĩ đánh vào phong luân, kim cang có thể nát vụn, nhưng phong luân vẫn như cũ. Nghĩa là tín thứ chín như trụ... địa thứ chín, dùng pháp giáo hóa chúng sanh, tâm kiên cố như gió. Khoảng cách như trước. Tên cõi nước: pha lê sắc. Vật này có bốn màu: xanh vàng đỏ trắng. Ở đây là màu trắng (bạch tịnh), là pháp thân, trí vi diệu. Tên Phật: Phạm Trí, trí thanh tịnh, Bồ-tát này tạo lợi ích cho mình, người bằng trí thanh tịnh. Tên Bồ-tát: Trí Thủ. Phía dưới là thiền, định tĩnh, khiêm hạ, trí căn bản, phía trên là quán sát, soi rọi như mặt trăng mặt trời trong hư không. Vị này chuyên tu lực Ba-la-mật.

Bốn hàng... phía trên... có mười ý như trước. Phương hướng: phía trên, như mặt trăng, mặt trời, sao trong hư không soi chiếu vạn vật. Trí an trụ pháp không quán sát căn tánh chúng sanh. Khoảng cách như trước. Tên cõi nước: Bình đẳng sắc, phía trên là pháp không, không hình tướng, bình đẳng. Vì này tuy quán pháp không nhưng còn thức phân biệt pháp không nên còn sắc. Tên Phật: Quán Sát Trí. Vị này dùng trí quán sát mình người thân tâm đều không, như bóng. Tên Bồ-tát: Hiền Thủ. mười cõi nước là lý vi diệu, Phật là trí vi diệu, Bồ-tát là hạnh của trí, đạt mười pháp này là Hiền Thủ. Khoảng cách: cách vô số cõi nước bằng số bụi trong mười cõi Phật, là sự dung hợp đan cài như hình bóng, mê thì cách xa ngàn dặm, ngộ thì ngay nơi tâm. Vì mê nên cõi nước ở phương khác, ngộ thì ngay pháp tánh. Khoảng cách chỉ là sự phân biệt của kẻ mê người ngộ nhưng trong pháp giới cõi Phật không có khoảng cách. Số: Bồ-tát cũng mượn số bụi trong cõi Phật để đếm, thể hiện lòng tin cũng như Bồ-tát, dùng trí biết căn tánh chúng sanh, hành hạnh Phổ Hiền, giáo hóa cùng khắp. Đây là trả lời những câu hỏi về cõi Phật, sự an trụ của Phật, sự trang nghiêm. Phần Văn Thù thuyết pháp có bảy ý:

- 1) (2 hàng) Văn Thù quán sát đại chúng.
- 2) (3 hàng) khen ngợi bốn sự mầu nhiệm của cõi Phật.
- 3) (2,5 hàng) các Đức Phật tùy căn tánh chúng sanh thuyết giảng giáo pháp.
- 4) (3,5 hàng) thân tướng hạnh nguyện độ sanh của Phật.
- 5) Danh hiệu Phật (vô số Phật với những tên gọi khác nhau. Mười

ngàn là số tròn, là sự rộng lớn bao hàm, danh tự bình đẳng không phân biệt tốt xấu).

6) (4 hàng) khẳng định sự giống nhau của các cõi nước.

7) Đức Phật thuyết giảng hạnh nguyện xưa của mình.

Đây là phần trả lời 28 câu hỏi. Phẩm bốn Thánh đế chỉ dạy tất cả pháp Phật không ngoài bốn đế. Phẩm danh hiệu Như Lai không chỉ nói về sự rộng lớn của danh hiệu Phật mà còn nói về sự rộng lớn của ba nghiệp thân khẩu ý của Phật, Bồ-tát Văn Thù (rõ như trong kinh). Đó là dạy chúng sanh tin mình như Phật nhân quả của mười trụ... địa mười một cũng thế. Ngoài ra phẩm này còn dạy Bồ-tát đạt vị tín, biết danh hiệu rộng lớn của Phật là quả Phật. Phẩm xuất hiện nêu sự tu tập trọn vẹn hạnh quả. Vì thế Như Lai phóng ánh sáng giữa chạn mây chiếu đến đỉnh đầu Văn Thù... (như trước). Hai phẩm lìa thế gian, pháp giới tuy nói sau nhưng ý nghĩa dường như đã có từ trước. Vì trước sau thông suốt, là pháp viên mãn. Phẩm pháp giới là thể của bộ kinh này, là nguồn cội của Thánh phàm. Lần trước tin quả Phật vì Phật Phổ Hiền là điều kiện đầu để chứng đạt, nghĩa là từ hành hạnh Phổ Hiền, thành tựu quả Phật, phát sanh lòng tin. Đã đủ lòng tin, tu tập pháp Phật nên mượn Văn Thù, Như Lai, bốn đế làm nhân quả nghĩa là tu học pháp vi diệu qua văn tự. Vì sao Như Lai không nói quả Phật lại phóng ánh sáng bảo Bồ-tát nói? Vì Như Lai muốn Bồ-tát ở vị nào thuyết giảng pháp môn của vị ấy để chúng sanh dễ hiểu. Văn Thù là điều kiện để chúng sanh tin quả Phật, là mẹ của trí vi diệu. Phổ Hiền là hình ảnh để chúng sanh tu tập. Hai vị đã thành tựu trí không tạo tác, tâm bi rộng lớn nên cùng nhau hỏi đáp. Phẩm Như Lai xuất hiện chỉ dạy nhân quả tánh tướng của trí hạnh là một. Để người phát lòng tin nhưng chưa thấu suốt thể dụng của pháp dễ hiểu.

Phẩm: BỐN THÁNH ĐẾ

Phẩm này có ba phần:

- 1) Tên phẩm.
- 2) Nghĩa của phẩm.
- 3) Nghĩa của văn.

Tên phẩm: Đế: thật, Như Lai nói bốn sự thật để chúng sanh tin hiểu. Vì sao chỉ có bốn? Bốn là nhiều, các pháp thế gian không ngoài bốn pháp khổ tập diệt đạo. Đoạn khổ là diệt, đạo là điều kiện để đạt Niết-bàn. Nhị thừa thích sự tịch tịnh, Bồ-tát thích sanh về cõi tịnh và

cho rằng cõi tịnh ở phương khác. Bồ-tát giữ hoặc để độ sanh (nếu không thì không chứng đạt Niết-bàn) hoặc sanh về cõi tịnh ở phương khác. Vì thế Niết-bàn của ba thừa có sự chứng đạt. Ba thừa quan niệm: Đức Phật ngồi trên tòa cỏ dưới cõi bồ đề là Phật biến hóa. Đức Phật ở tòa sen đỏ cõi Ma-hê-thủ-la là Phật thật. Vì thế Bồ-tát chán ghét, ba thừa thích diệt đạo, ghét khổ tập. Bốn Thánh đế của kinh này là thật nghĩa. Vì tánh khổ là chơn, không chán ghét, không phân biệt cõi Phật, người tu đạo không thích Niết-bàn, không ghét sanh tử, an trụ pháp thật, tu pháp thật, không thương ghét vui buồn, như pháp giới không qua lại, không an trụ, tất cả cõi nước đều thuộc pháp giới. Đó là sự khác biệt của bốn Thánh đế trong một thừa và ba thừa, và là sự an lập tùy khả năng chứng sanh của Như Lai, phàm phu không biết được. Bồ-tát hành đạo bằng lòng tin cũng chưa hiểu. Kinh pháp hoa chép: với Thanh văn Phật nói pháp tứ đế, với duyên giác Phật nói 12 duyên sanh, với Bồ-tát Phật nói Ba-la-mật. Phẩm mười địa kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát địa thứ năm quán mười đế từ thế bốn đế, Bồ-tát địa thứ sáu quán 12 duyên. Tất cả đều từ bốn đế và 12 duyên. Với phàm Thánh tin pháp Phật nhưng chưa thành tựu tâm độ sanh, Phật dạy quán khổ của mình người, phát tâm cầu pháp Phật. Vì sự hiểu biết của chúng sanh khác nhau nên cách trình bày bốn đế và 12 duyên cũng khác. Đó là ngữ nghiệp rộng lớn của Như Lai. Kinh Anh Lạc nêu chín thừa pháp biểu hiện sự tu tập chứng đạt bốn đế 12 duyên khác nhau:

- 1) Thanh văn thanh văn.
- 2) Thanh văn duyên giác.

- 3) Thanh văn Bồ-tát (trong ba thừa, mỗi thừa đủ ba, cộng thành chín, cả thừa bất tư nghi là 10) thừa nào cũng đạt quả viên mãn, không có khổ của ba cõi. Chúng sanh khác đều ở trong pháp sanh diệt của trời người, tuy hưởng diệu lạc nhưng không thoát khổ. Ba thừa tuy vượt ngoài ba cõi nhưng không đạt chơn như, chưa thành Phật. Nghĩa của văn: 12 đoạn: 11 đoạn đầu nói về bốn đế, từ bốn đế phân thành các pháp năm uẩn, 12 duyên, 84000 pháp giải thoát khổ não. Đây là pháp tu của vị tín. Phẩm Quang minh giác hiện cõi Phật và hạnh nguyện rộng lớn. Từ thế trí căn bản, mười tín tu tập.
